

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU KÈ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM - ST

Ngày: 23 - 8 - 2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hùng

*- Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quốc Tuấn

2. Ông Thạch Quone

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Thạch Tha, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2018/TLST - KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST - KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: 130 Phan Đăng L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trường T, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh T. Theo giấy ủy quyền số: 1206/QĐ-DAB-PC ngày 12/7/2016.

Ông Nguyễn Trường T ủy quyền cho ông Trần Văn L, chức vụ: Trưởng phòng quản lý tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh T. Theo giấy ủy quyền số: 09/QĐ-DAB-TVH ngày 26/3/2018.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hải H, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Bà Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Kiên T, sinh năm 1979 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Cháu Trần Huỳnh Vĩnh K, sinh ngày 10/3/2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Huỳnh Vĩnh K:* Ông Trần Hải H, sinh năm 1958 và bà Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm 1958, cùng địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, ông Trần Văn L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày: Vào ngày 05/12/2014 Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh T (sau đây được gọi là Ngân hàng) và ông Trần Hải H, bà Huỳnh Thị Mỹ C đã ký kết hợp đồng vay vốn số A0008/12 và số A0009/12, theo đó Ngân hàng cho ông H, bà C vay số tiền 400.000.000đồng (theo hợp đồng số A0008/12 cho vay 270.000.000đồng, theo hợp đồng số A0009/12 cho vay 130.000.000đồng); thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 05/12/2014 đến ngày 05/12/2017); mục đích vay là để bổ sung vốn nâng cấp sửa chữa quán ăn, phòng karaoke; lãi suất trong hạn 12,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn; phương thức trả lãi: trả lãi hàng tháng; phương thức trả vốn gốc: trả trong 12 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng), mỗi kỳ trả 34.000.000đồng, kỳ cuối trả 26.000.000đồng. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ngày 05/12/2014 giữa Ngân hàng và ông H, bà C đã ký kết hợp đồng thế chấp số: K0121 - 14/TC, theo đó ông H, bà C thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất: Thửa 90, diện tích 365,8m<sup>2</sup>; thửa 147, diện tích 75,1m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 12, cùng tọa lạc Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; các thửa đất trên do ông H đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ khi vay cho đến ngày 04/01/2015 ông H, bà C chỉ trả được 3.888.889đồng tiền lãi trong hạn và kể từ đó cho đến nay thì ông H, bà C không thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết nên từ ngày 05/3/2015 Ngân hàng đã chuyển số nợ gốc đến hạn chưa thanh toán theo từng kỳ trả nợ sang nợ quá hạn; Ngân hàng cũng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà C trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/8/2018) với tổng số tiền là 638.087.849đồng (trong đó vốn gốc là 400.000.000đồng, lãi trong hạn là 76.740.974đồng, lãi quá hạn là 161.346.875đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 24/8/2018 đến khi ông H, bà C trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong hợp đồng vay vốn số A0008/12 và số A0009/12 ngày 05/12/2014; trong trường hợp ông H, bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 06/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Hải H trình bày: Ông thừa nhận ông và bà C có vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000đồng theo hợp đồng vay vốn A0008/12 và số

A0009/12 cùng ngày 05/12/2014. Để bảo đảm cho khoản tiền vay trên ông và bà C có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất: Thửa 90, diện tích 365,8m<sup>2</sup>; thửa 147, diện tích 75,1m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 12, cùng tọa lạc Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay ông cũng thừa nhận ông và bà C còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 400.000.000đồng, tiền lãi phát sinh và đồng ý trả số tiền trên cho Ngân hàng; ông cũng đồng ý cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp nếu trường hợp ông và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Trần Huỳnh Vĩnh K, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai.

Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 18/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiên T trình bày: Vào ngày 14/6/2018 ông với ông H có ký hợp đồng thuê mặt bằng, theo đó ông thuê các thửa đất: Thửa 90, diện tích 365,8m<sup>2</sup>; thửa 147, diện tích 75,1m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 12, cùng tọa lạc Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất để buôn bán quán ăn. Các thửa đất và tài sản gắn liền với đất này ông H đã đem thế chấp cho Ngân hàng để vay vốn, nay Ngân hàng có yêu cầu được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là các thửa đất trên và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng thì ông cũng đồng ý. Đối với hợp đồng thuê mặt bằng giữa ông với ông H thì để ông với ông H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án trên vắng mặt ông.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông H, bà C, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan cháu K thì không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H, bà C, cháu K vẫn vắng mặt không có lý do, đến nay là lần xét xử thứ hai đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà C, cháu K.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng, vào ngày 05/12/2014 ông H, bà C có vay của nguyên đơn Ngân hàng số tiền 400.000.000đồng theo hợp đồng vay vốn số A0008/12 và số A0009/12. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông H, bà C có thể chấp các thửa đất: Thửa 90, diện tích 365,8m<sup>2</sup>; thửa 147, diện tích 75,1m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 12, cùng tọa lạc Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số: K0121 – 14/TC ngày 05/12/2014. Việc các bên ký kết các hợp đồng nêu trên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, nay ông H, bà C đã vi phạm nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng vay vốn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng. Đối với hợp đồng thuê mặt bằng giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Kiên T với bị đơn ông H, do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy hợp đồng vay vốn ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là nhằm bổ sung vốn nâng cấp sửa chữa quán ăn, phòng karaoke, bị đơn có đăng ký kinh doanh nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quá trình tổng đạt các văn bản của Tòa án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H, bà C và cháu K theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng ông H, bà C, cháu K vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà C, cháu K.

**[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:**

Về tính hợp pháp của hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp: Hai hợp đồng vay vốn số A0008/12, A0009/12 ngày 05/12/2014 và hợp đồng thế chấp số: K0121 - 14/TC ngày 05/12/2014 ký kết giữa Ngân hàng với ông H, bà C là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại các Điều 121, 122, 124, 342, 343, 471, 715 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 116, 117, 119, 317, 463 của Bộ luật dân sự 2015; đối với hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên các hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng vay vốn, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho ông H, bà C số tiền 400.000.000đồng. Tuy nhiên, ông H, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn đã cam kết, từ khi vay cho đến nay ông H, bà C chỉ trả được 3.888.889đồng tiền lãi cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông H, bà C trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/8/2018) số tiền 638.087.849đồng (trong đó vốn gốc là 400.000.000đồng, lãi trong hạn là 76.740.974đồng, lãi quá hạn là 161.346.875đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam

được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số: 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/02/2005; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về mức lãi suất mà phía bị đơn ông H, bà C phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc: Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/8/2018), ông H, bà C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số A0008/12 và số A0009/12 ngày 05/12/2014.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn Ngân hàng: Như nhận định phần trên, hợp đồng thế chấp số: K0121 - 14/TC ngày 05/12/2014 ký kết giữa Ngân hàng với ông H, bà C là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật; các thửa đất 90, diện tích 365,8m<sup>2</sup>; thửa 147, diện tích 75,1m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 12, cùng tọa lạc Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông H, bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng đồng ý cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn Ngân hàng.

[3] Đối với hợp đồng thuê mặt bằng giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Kiên T với bị đơn ông H, do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí thẩm định: Chi phí thẩm định số tiền là 720.000 đồng. Buộc ông H, bà C phải chịu 720.000 đồng. Nhưng do Ngân hàng đã nộp tạm ứng với số tiền 2.000.000 đồng nên buộc ông H, bà C phải giao trả cho Ngân hàng số tiền 720.000 đồng; số tiền tạm ứng lệ phí còn dư 1.280.000 đồng, Ngân hàng được nhận lại tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông H, bà C phải chịu 29.523.513 đồng [20.000.000 đồng + (4% x 238.087.849 đồng)]. Ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng 13.841.406 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016133 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 72, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 121, 122, 124, 342, 343, 355, 471, 474, 715, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, 299, 317, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Trần Hải H, bà Huỳnh Thị Mỹ C trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/8/2018) là 638.087.849đồng (trong đó vốn gốc là 400.000.000đồng, lãi trong hạn là 76.740.974 đồng, lãi quá hạn là 161.346.875đồng).

Kể từ ngày 24/8/2018, ông Trần Hải H, bà Huỳnh Thị Mỹ C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số: A0008/12 và A0009/12 cùng ngày 05/12/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Hải H, bà Huỳnh Thị Mỹ C phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Hải H, bà Huỳnh Thị Mỹ C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên bán đấu giá đối với tài sản thế chấp là: Thửa đất 90, diện tích 365,8m<sup>2</sup>; thửa đất 147, diện tích 75,1m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 12, cùng tọa lạc Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với các thửa đất trên để ưu tiên thanh toán số nợ vay.

2. Về chi phí thẩm định: Buộc ông Trần Hải H, bà Huỳnh Thị Mỹ C phải chịu 720.000đồng. Nhưng do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã nộp tạm ứng với số tiền 2.000.000đồng nên buộc ông H, bà C phải giao trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 720.000đồng; số tiền tạm ứng lệ phí còn dư 1.280.000đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông Trần Hải H, bà Huỳnh Thị Mỹ C phải chịu 29.523.513 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 13.841.406 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016133 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Hùng**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Thạch Quơne**

**Trần Quốc Tuấn**

**Đặng Văn Hùng**